**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS………………**  **TỔ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: HĐ TRẢI NGHIỆM LỚP 6**

**(Năm học 2021 - 2022)**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 8**; Số học sinh: ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có):

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**  ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: Đại học: ; Trên đại học:

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: ; Khá: ; Đạt: ; Chưa đạt: không

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị giáo dục có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục và theo phê duyệt về thiết bị dạy học tối thiểu - HĐTN, HN lớp 6 [[2]](#footnote-2))*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bộ tranh về thiên tai, biến đổi khí hậu | 8 bộ/GV | Hoạt động hướng đến bản thân | HS nhận diện về dấu hiệu của thiên tai để có thể tự bảo vệ bản thân |
| 2 | Video clip về cảnh quan thiên nhiên Việt Nam | 01 bộ/ GV | Hoạt động hướng đến tự nhiên | Giáo dục tình yêu quê hương đất nước và có ý thức bảo tồn cảnh quan thiên nhiên |
| 3 | Bộ thẻ nghề truyền thống | 08 bộ/ GV | Hoạt động hướng nghiệp | HS nhận biết và làm quen với các nghề truyền thống |
| Bộ dụng cụ lao động sân trường | 05 bộ/ trường | HS trải nghiệm với lao động |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng sinh hoạt câu lạc bộ | 01 | Tổ chức các câu lạc bộ: Câu lạc bộ hướng nghiệp |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[3]](#footnote-3)**

1. **Phân phối chương trình.**

Cả năm: 35 tuần x 03 tiết/tuần = 105 tiết

Học kỳ 1: 18 tuần x 03 tiết/tuần = 54 tiết

Học kỳ 2: 17 tuần x 03 tiết/tuần = 51 tiết

(Trong đó: SH dưới cờ 1 tiết/tuần; SH lớp 1tiết/tuần; HĐGD theo chủ đề 1 tiết/tuần)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Bài học:**  **Hoạt động giáo dục theo chủ đề (35 tiết)** | **Sinh hoạt dưới cờ**  **(35 tiết)** | **Sinh hoạt lớp**  **(35 tiết)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm dạy học**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| **1** | **Tháng 9:**  **Em với nhà trường** | * Giới thiệu được những nét nổi bật của nhà trường và chủ động, tự giác tham gia xây dựng truyền thống nhà trường.   Tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, của nhà trường. | 1.Truyền thống nhà trường  2. Lớp học của em  3. Điều chỉnh bản thân phù hợp với môi trường học tập mới  4. Em và các bạn | 1. Lễ khai giảng năm học  2. Tìm hiểu truyền thống nhà trường  3. Đăng kí tuần học tốt, tháng học tốt  4.Phòng chống bạo lực học đườn*g* | 1. Xây dựng nội quy lớp học  2. Giới thiệu truyền thống nhà trường  3. Xây dựng cam kết thi đua của tổ, lớp  4. XD quy tắc ứng xử để tạo môi trường lớp học thân thiện, an toàn | 4 | Tuần 1,2,3,4 | Lớp học, phòng học bộ môn, sân thể dục | - TPT Đội  - GVCN |  | **Thiết bị dạy học**  **(4)** |
| **2** | **Tháng 10:**  **Khám phá bản thân** | * Nhận ra được sự thay đổi tích cực của bản thân, giới thiệu được đức tính đặc trưng của bản thân. * Phát hiện được sở thích, khả năng và những giá trị khác của bản thân, tự tin với sở thích, khả năng của mình.   Thiết lập được các mối quan hệ với cộng đồng, thể hiện được sự sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn. | 1. Em đã lớn hơn  2. Đức tính đặc trưng của em  3. Sở thích, khả năng của em  4. Những giá trị của bản thân | 1. Chăm ngoan học giỏi  2. Kể truyện về tấm gương đạo đức HCM  3. Chúng ta cùng tài giỏi  4. Tình bạn | 1. Em đã lớn hơn  2.Đức tính đặc trưng của bạn, của tôi  3.Thể hiện sở thích, khả năng của bản thân  4. Giá trị của tôi, giá trị của bạn | 3 | Tuần  5,6,7 | Lớp học, phòng học bộ môn, sân thể dục | - TPT Đội  - GVCN |  | Tài liệu, sách giáo khoa môn HĐTN Khối 6 |
| **3** | **Tháng 11:**  **Trách nhiệm với bản thân** | * Thiết lập được các mối quan hệ với bạn, thầy cô và biết giữ gìn tình bạn, tình thầy trò.   Xác định và giải quyết được một số vấn đề nảy sinh trong quan hệ bạn bè, thầy cô. | 1. Tự chăm sóc bản thân  2. Ứng phó với thiên tai | 1. Khỏe và đẹp  2. Vì sức khỏe học đường  3.Tham gia giao thông an toàn  4. Ứng phó với các tình huống nguy hiểm | 1. Tự chăm sóc bản thân  2. Chia sẻ và thực hiện kế hoạch chăm sóc bản thân  3. Tự hào về bản thân trong 1 số tình huống thiên tai  4. Đảm bảo an toàn trong 1 số tình huống thiên tai. | 3 | Tuần 8,9,10 | Lớp học, phòng học bộ môn | - TPT Đội  - GVCN |  | Tài liệu, sách giáo khoa môn HĐTN Khối 6 |
| **4** | **Tháng 12:**  **Rèn luyện bản thân** | * Biết chăm sóc bản thân và điều chỉnh bản thân phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. * Sắp xếp được góc học tập, nơi sinh hoạt cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. * Nhận biết được những dấu hiệu của thiên tai và biết cách tự bảo vệ trong một số tình huống thiên tai cụ thể.   Xác định được các khoản chi ưu tiên khi số tiền của mình hạn chế | 1. Góc học tập của em  2. Sắp xếp nơi ở của em  3. Giao tiếp phù hợp  4. Chi tiêu hợp lý | 1. Nhiệm Vụ Đội Viên  2. Vẻ Đẹp đội viên  3. Giao tiếp trên mạng xã hội  4. Người tiêu dùng thông minh | 1. Sắp xếp góc học tập gọn gàng  2. Sắp xếp nơi ở gọn gàng ngăn nắp  3. Biết cách giao tiếp phù hợp  4. Thay đổi những thói quen chi tiêu chưa hợp lí | 3 | Tuần 11,12,13,14 | Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tài liệu, sách giáo khoa môn HĐTN Khối 6  Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |
| **5** | **Tháng 1:**  **Em với gia đình** | * Thể hiện được sự động viên, chăm sóc người thân trong gia đình bằng lời nói và hành động cụ thể.   Thể hiện được sự chủ động, tự giác thực hiện một số công việc trong gia đình.   * Tham gia giải quyết một số van đê nảy sinh trong quan hệ gia đình.   Biết cách cân đối nhu cầu tiêu dùng của mọi người trong gia đình để tiết kiệm chi tiêu. | 1. Động viên chăm sóc người thân trong gia đình  2. Giải quyết một số khúc mắc trong gia đình  3. Em làm việc nhà | 1. Yêu thương và chia sẻ  2. Giải quyết một số vấn đề thường gặp trong gia đình | 1. Tình cảm gia đình  2. Kỹ năng giải quyết vấn đề  3. Chủ động tự giác làm việc nhà  4. Thể hiện những kỹ năng khéo léo của mình | *4* | Tuần 15,16,17,18 | Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |
| **6** | **Tháng 2:**  **Em với cộng đồng** | * Thể hiện được hành vi văn hoá nơi công cộng. * Lập và thực hiện được kế hoạch hoạt động thiện nguyện tại địa phương; biết vận động người thân và bạn bè tham gia các hoạt động thiện nguyện ở nơi cư trú.   Giới thiệu được một số truyền thống của địa phương. | 1. Thiết lập quan hệ với cộng đồng  2. Em tham gia hoạt động thiện nguyện  3. Hành vi có văn hóa nơi công cộng  4. Truyền thống quê em | 1. Mừng đảng, Mừng xuân  2. Hưởng ứng chương trình nhân đạo ( lá lành đùm lá rách)  3. Vẽ tranh tuyên truyền “ Vì một cộng đồng văn minh”  4. Ngày hội văn hóa dân gian | 1. 1, Mừng đảng, Mừng xuân. Những hoạt động chung với thôn xóm  2. Tham gia hoạt động thiện nguyện  3. Thực hiện hành vị có văn hóa nơi công cộng  4. Giới thiệu lễ hội và phong tục văn hóa quê em | 4  3 | Tuần 19,20,21,22  Tuần 23,24,25 | Phòng học  Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân  Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |
| **7** | **Tháng 3:**  **Em với thiên nhiên và môi trường** | - Thể hiện được cảm xúc, hứng thú với khám phá cảnh quan thiên nhiên.  - Thực hiện được những việc làm cụ thể để bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  - Chỉ ra được những tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ con người.  - Tuyên truyền, vận động người thân, bạn bè có ý thức thực hiện các việc làm giảm thiểu biến đổi khí hậu.  - Vận động người thân, bạn bè không sử dụng các đồ dùng có nguồn gốc từ những động vật quý hiếm. | 1. Khám phá cảnh quan thiên nhiên  2. Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên  3. Ứng phó với biến đổi khí hậu | 1. Giới thiệu di sản thế giới tại việt nam  2. Làm sản phẩm sáng tạo từ phế liệu  3. Chung tay làm giảm biến đổi khí hậu  4. Chung tay bảo vệ động vật quý hiếm | 1. Giới thiệu cảnh quan thiên nhiên của quê hương đất nước  2. Triển lãm và giới thiệu sáng tạo từ vật liệu tái chế  3. Tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe con người  4. Tuyên truyền và bảo vệ các loài động vật | *3* | Tuần  26,27,28 | Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |
| **8** | **Tháng 4:**  **Khám phá thế giới nghề nghiệp** | - Tìm hiểu được một số nghề truyền thống ở Việt Nam.  - Nêu được hoạt động đặc trưng, những yêu cầu cơ bản, trang thiết bị, dụng cụ lao động của các nghề truyền thống.  - Nhận biết được về an toàn sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. | 1. Thế giới nghề nghiệp quang ta  2. Khám phá nghề truyền thống của nước ta  3. Trải nghiệm nghề truyền thống | 1. Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp 2. Tìm hiểu làng nghề truyền thống  3. Ngày hội trải nghiệm hường nghiệp  4.Ngày hội tư vấn hướng nghiệp | 1. Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp  2. Tìm hiểu về nghề truyền thống  3. Thu hoạch về hoạt động trải nghiệm nghề truyền thống  4. Phát triển làng nghề truyền thống ở địa phương | 4 | Tuần  29,30,31,32 | Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |
| **9** | **Tháng 5:**  **Hiểu bản thân chọn đúng nghề** | * Nhận biết được về an toàn khi sử dụng công cụ lao động trong các nghề truyền thống. * Nhận diện được giá trị của các nghề trong xã hội và có thái độ tôn trọng đối với lao động nghề nghiệp khác nhau.   Nhận biết được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chư phù hợp với công việc của nghề truyền thống. | 1. Em với nghề truyền thống  2. Em tập làm nghề truyền thống  3. Trổ tài chế biến món ăn truyền thống | 1. Hiểu bản thân – chọn đúng nghề  2. Hành trang vì ngày mai lập nghiệp  3. Tổng kết năm học | 1. Kế hoạch rèn luyện bản thân theo yêu cầu của nghề truyền thống  2. Tham quan và giới thiệu một số sản phẩm nghề truyền thống  3. Tổng kết năm học. Cam kết thực hiện kì nghỉ hè bổ ích, vui vẻ, an toàn. | 3 | Tuần  33,34,35 | Phòng học | - TPT Đội  - GVCN |  | Tranh ảnh, Phiếu bài tập, Phiếu tự đánh giá cá nhân |

**3. Đánh giá định kì**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Đánh giá thường xuyên |  | Sau kết thúc chủ đề | Đáp ứng yêu cầu cần đạt chủ đề | Sản phẩm hoạt động của HS Bảng kiểm và phiếu tự đánh giá |
| Cuồi học kì 1 |  | Trong tuần 17 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì 1 | Sản phẩm hoạt động của HS Bảng kiểm và phiếu tự đánh giá |
| Cuối Học kì 2 |  | Trong tuần 34 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt của chủ đề trong học kì 2 | Sản phẩm hoạt động của HS Bảng kiểm và phiếu tự đánh giá |

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *…………………….., ngày tháng năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-3)